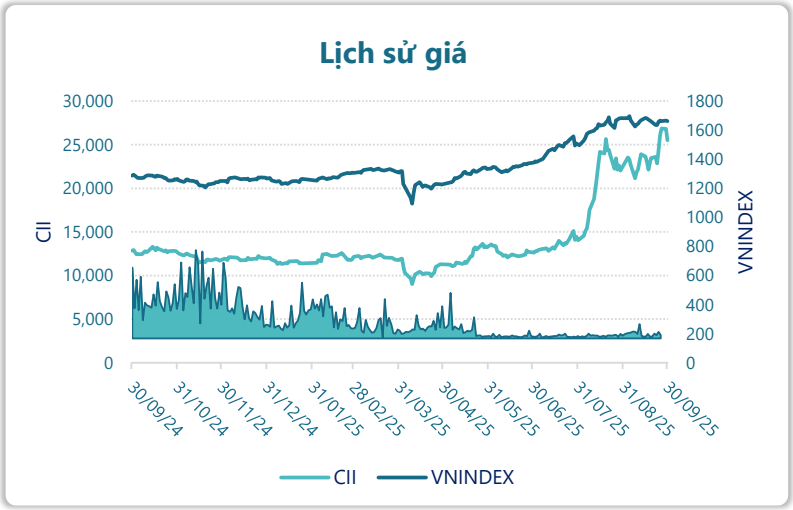
FireAnt

CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (HSX: CII)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**25,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,850
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,015
SL cổ phiếu LH	624,939,021
KLGD BQ 20 phiên (CP)	32,615,690
% sở hữu nước ngoài	5.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	15,936
P/E	249.7
EPS	102

DT thuần

Q3/25

714

tỷ VNĐ

QoQ: ▼17.0| -2.3%

YoY: ▲ 7.00| 1.1%

LN sau thuế

Q3/25

56.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼33.4| -37.3%

YoY: ▼39.4| -41.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

54.2%

+/- YoY: ▼ 6.6%

DT thuần

9T 2025

2,141

tỷ VNĐ

YoY: ▼143| -6.2%

LN sau thuế

9T 2025

241

tỷ VNĐ

YoY: ▼298| -55.3%

ROE

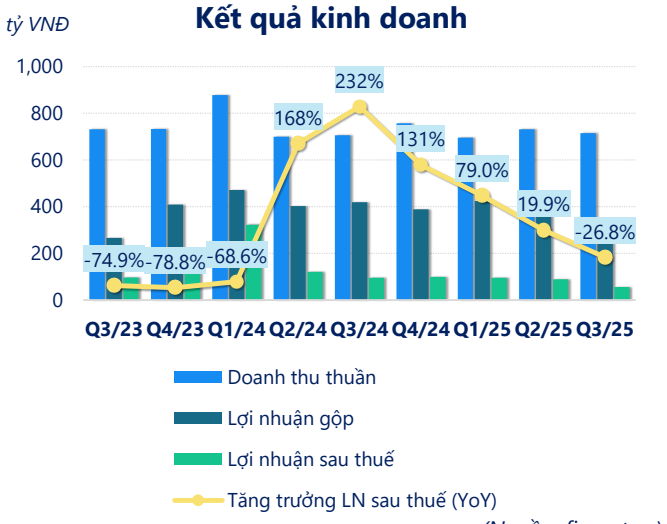
Q3/25

0.6%

+/- YoY: ▼ 3.9%

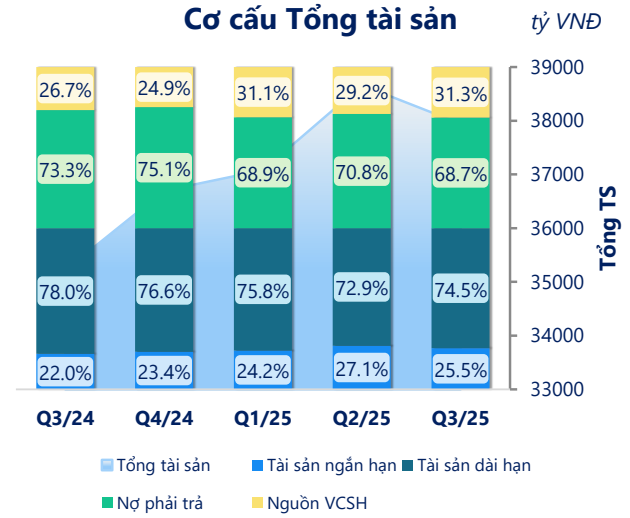
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



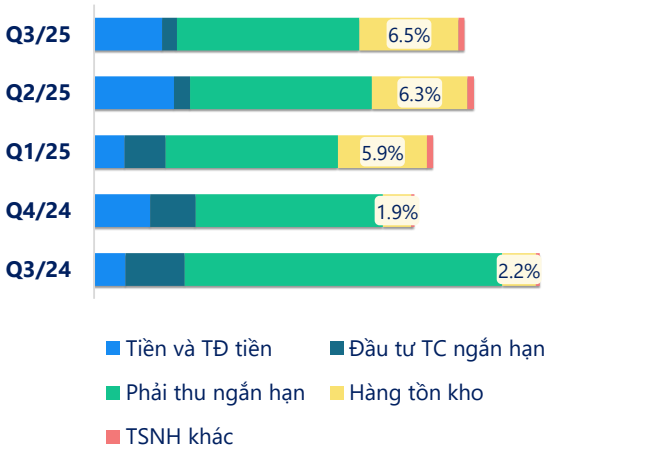
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



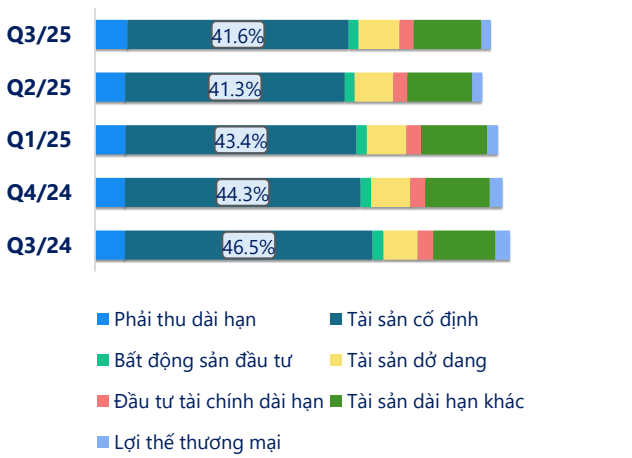
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



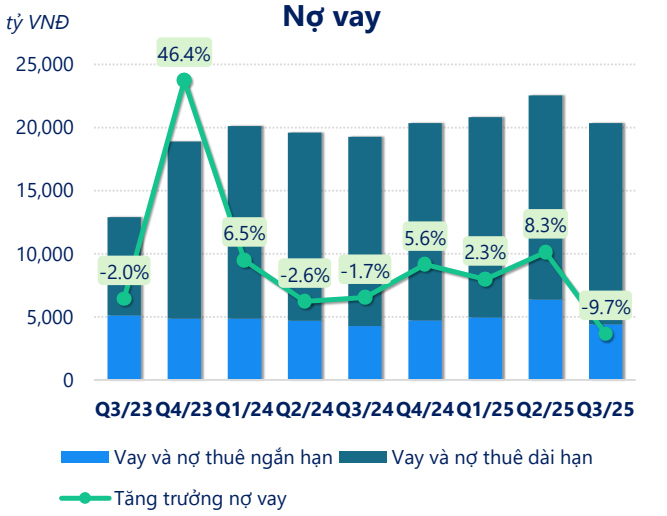
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



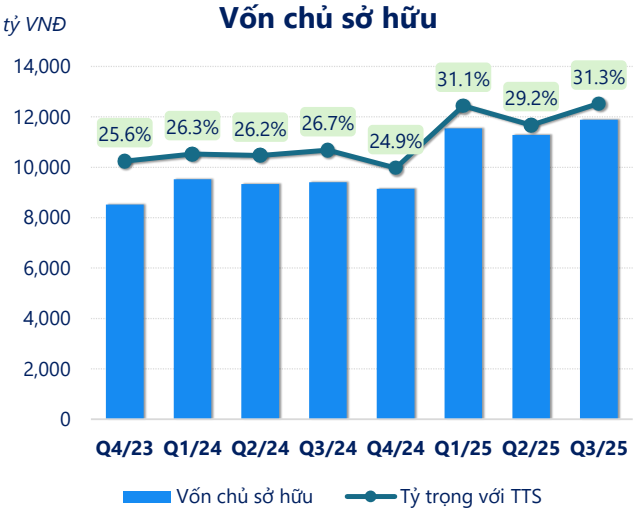
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



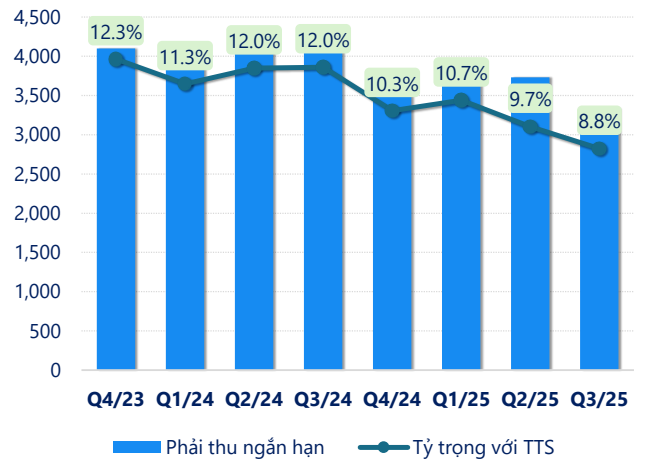
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



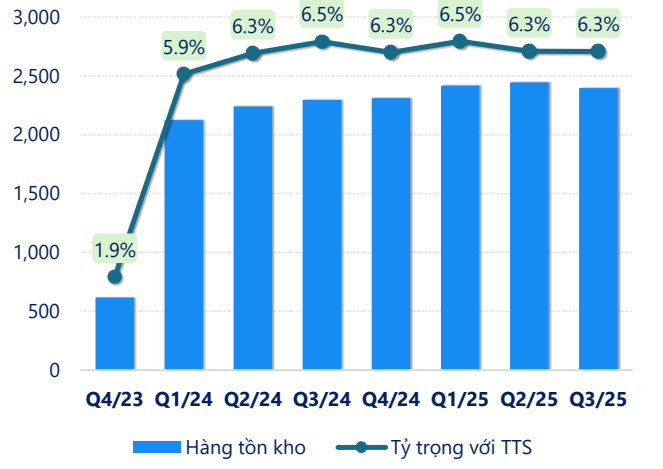
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



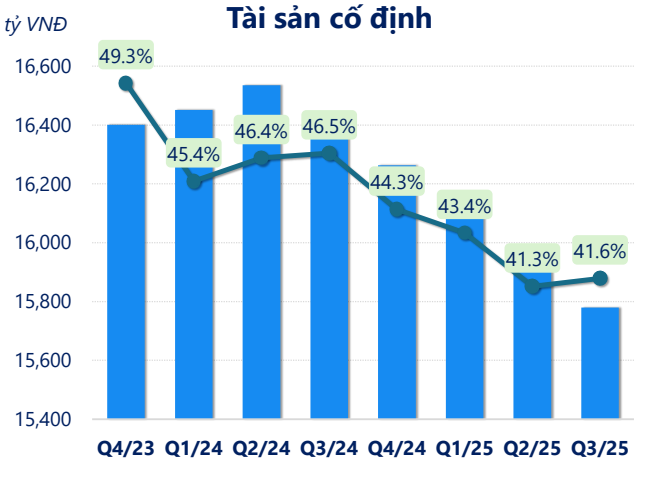
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



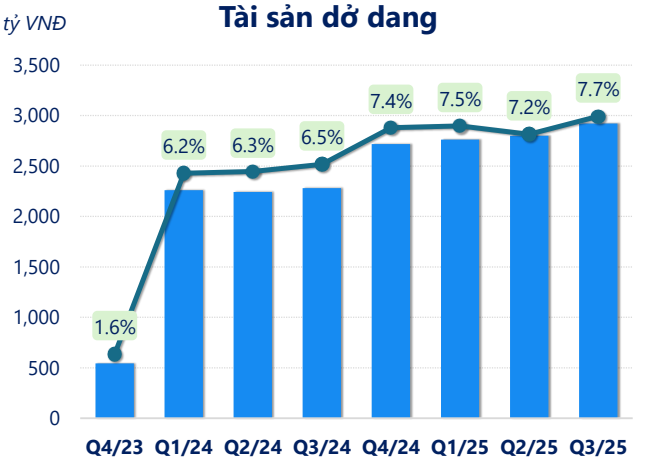
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



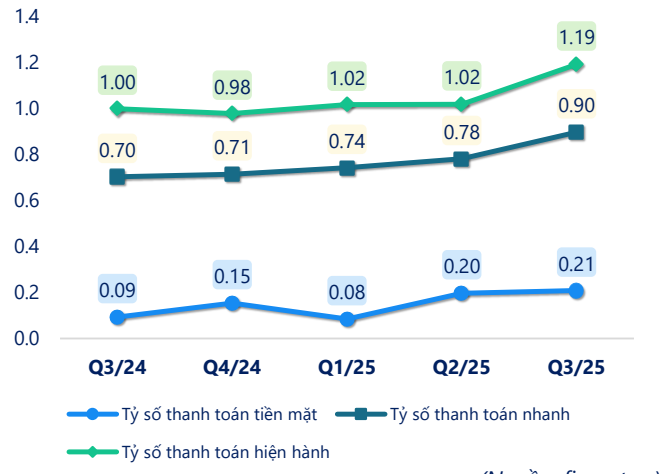
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



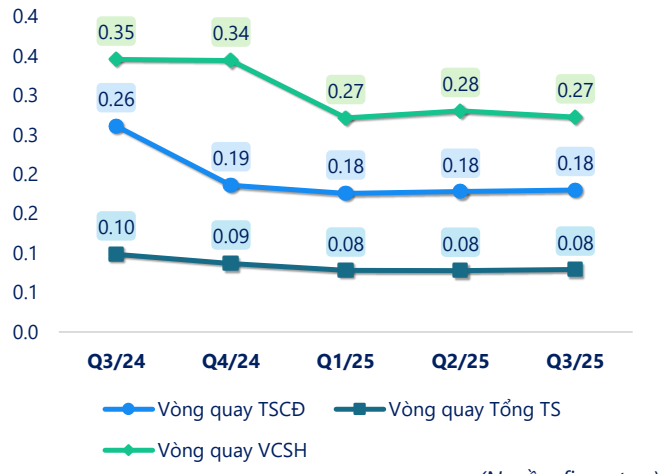
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**35,219**	**36,697**	**37,079**	**38,663**	**37,943**
Tài sản ngắn hạn	**7,739**	**8,578**	**8,961**	**10,493**	**9,691**
Tiền và tương đương tiền	725	1,354	746	2,033	1,697
Đầu tư tài chính ngắn hạn	347	1,007	1,664	2,120	2,113
Phải thu ngắn hạn	4,231	3,774	3,966	3,733	3,332
Hàng tồn kho	2,295	2,312	2,418	2,445	2,397
Tài sản ngắn hạn khác	141	132	166	162	151
Tài sản dài hạn	**27,480**	**28,119**	**28,118**	**28,170**	**28,253**
Phải thu dài hạn	1,987	2,069	2,137	2,207	2,318
Tài sản cố định	16,394	16,263	16,090	15,956	15,780
Bất động sản đầu tư	725	718	728	721	714
Tài sản dở dang	2,280	2,718	2,763	2,799	2,920
Đầu tư tài chính dài hạn	1,024	1,024	1,024	1,024	1,003
Tài sản dài hạn khác	4,120	4,456	4,590	4,731	4,840
Lợi thế thương mại	950	871	786	732	678
Nợ phải trả	**25,815**	**27,550**	**25,544**	**27,376**	**26,056**
Nợ ngắn hạn	**7,744**	**8,771**	**8,812**	**10,305**	**8,133**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4,270	4,712	4,951	6,355	4,403
Phải trả người bán ngắn hạn	504	682	687	798	690
Nợ dài hạn	18,071	18,779	16,731	17,071	17,923
Vay và nợ thuê dài hạn	14,990	15,629	15,861	16,192	15,947
Nguồn vốn chủ sở hữu	**9,404**	**9,147**	**11,536**	**11,287**	**11,887**
Vốn chủ sở hữu	**9,404**	**9,147**	**11,536**	**11,287**	**11,887**
Vốn điều lệ	3,188	3,198	5,480	5,482	6,249
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)